



**CTCP TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN
THANH HÓA**

Số: 3007-1/2026/CV-AAT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 7 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN SƠN THANH HÓA

- Mã chứng khoán: AAT

- Địa chỉ: Số 09 Quốc lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại liên hệ: (84-237) 3770.304 Fax: (84-237) 3772.064

- E-mail: congtytiensonth@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/07/2026 tại đường dẫn: <http://tiensonaus.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Như mục 2.

Đại diện tổ chức
Người được UQ CBTT/

Lê Thị Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II/2026



Tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30/06/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		407,381,210,720	331,816,521,100
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17,210,405,943	37,120,697,889
Tiền	111		17,210,405,943	37,120,697,889
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,030,931,570	90,373,248,769
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6.1	21,030,931,570	90,373,248,769
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		366,877,245,515	190,118,365,383
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	13,397,026,850	26,035,723,197
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	13	333,163,594,765	14,988,927,198
Phải thu ngắn hạn khác	135	8	20,316,623,900	156,853,110,512
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	9	-	(7,759,395,524)
Hàng tồn kho	140	10	2,137,899,038	9,532,744,896
Hàng tồn kho	141		6,135,150,532	13,529,996,390
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(3,997,251,494)	(3,997,251,494)
Tài sản ngắn hạn khác	160		124,728,654	4,671,464,163
Thuế GTGT được khấu trừ	162		1,669,695	4,548,405,204
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	19	123,058,959	123,058,959
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		867,923,412,998	894,758,980,017
Các khoản phải thu dài hạn	210	8	9,922,072,022	35,519,885,938
Phải thu dài hạn khác	215		9,922,072,022	35,519,885,938
Tài sản cố định	220		91,801,409,371	79,301,733,279
Tài sản cố định hữu hình	221	16	79,826,037,182	65,377,077,839
- Nguyên giá	222		191,863,715,907	168,727,426,091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112,037,678,725)	(103,350,348,252)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	11,975,372,189	13,924,655,440
- Nguyên giá	225		19,542,212,642	19,542,212,642
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7,566,840,453)	(5,617,557,202)
Bất động sản đầu tư	240	12	308,428,572,165	318,690,640,627
- Nguyên giá	241		479,499,059,013	478,592,465,576
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(171,070,486,848)	(159,901,824,949)
Tài sản dở dang dài hạn	250		1,281,859,200	24,288,333,896
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	15	1,281,859,200	24,288,333,896
Đầu tư tài chính dài hạn	260		410,076,344,058	421,994,048,608
Đầu tư vào công ty con	261	6.2	427,338,200,000	421,338,200,000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	6.2	(19,461,855,942)	(7,888,051,392)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	6.1	2,200,000,000	8,543,900,000
Tài sản dài hạn khác	270		46,413,156,182	14,964,337,669
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	14	46,413,156,182	14,964,337,669
TỔNG TÀI SẢN	280		1,275,304,623,718	1,226,575,501,117

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA
Số 09, Quốc Lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hoá

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		553,394,046,512	501,251,611,004
Nợ ngắn hạn	310		253,470,468,913	249,713,778,936
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	6,409,715,754	27,480,611,080
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	17,297,800	2,050,368,019
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	19	5,078,978,084	4,815,134,844
Phải trả người lao động	315		3,654,720,816	7,023,127,000
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	21	575,502,156	563,708,179
Phải trả ngắn hạn khác	320	22	33,581,410,812	9,393,975,241
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	20	204,051,750,661	198,285,761,743
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		101,092,830	101,092,830
Nợ dài hạn	330		299,923,577,599	251,537,832,068
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	18	-	46,362,967,593
Chi phí phải trả dài hạn	334	21	-	582,199,091
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	23	84,189,780,000	-
Phải trả dài hạn khác	338	22	75,785,500,540	71,596,942,540
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	20	139,948,297,059	132,995,722,844
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		721,910,577,206	725,323,890,113
Vốn chủ sở hữu	410	24	721,910,577,206	725,323,890,113
Vốn góp của chủ sở hữu	411		708,191,030,000	708,191,030,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		708,191,030,000	708,191,030,000
Thặng dư vốn	412		(210,000,000)	(210,000,000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		439,500,000	439,500,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		18,000,000	18,000,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13,472,047,206	16,885,360,113
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		16,885,360,113	(9,180,982,667)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(3,413,312,907)	26,066,342,780
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1,275,304,623,718	1,226,575,501,117

Người lập biểu



Lê Thị Cúc

Kế toán trưởng



Trần Thị Hà



Phó Chủ tịch HĐQT
thương trực

Trịnh Xuân Lượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2026	Quý II/2025	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
					VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	223,522,961,500	171,304,892,799	440,454,346,750	368,054,447,085
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	25,957,000	76,906,400	25,957,000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		223,522,961,500	171,278,935,799	440,377,440,350	368,028,490,085
Giá vốn hàng bán	11	27	209,443,660,541	149,709,382,014	408,242,835,101	324,845,474,011
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14,079,300,959	21,569,553,785	32,134,605,249	43,183,016,074
Doanh thu hoạt động tài chính	22	28	204,520,783	1,129,432,202	862,939,208	2,440,072,618
Chi phí tài chính	23	29	7,971,464,554	14,071,718,414	15,828,438,610	21,253,762,347
Trong đó: Chi phí đi vay	24		8,144,618,639	6,624,180,516	15,821,397,907	13,170,577,586
Chi phí bán hàng	25	30	1,278,592,527	2,710,407,278	2,704,083,016	4,589,678,446
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	14,115,388,549	(2,333,594,043)	19,321,939,845	412,860,282
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9,081,623,888)	8,250,454,338	(4,856,917,014)	19,366,787,617

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SON THANH HÓA
Số 09, Quốc Lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hoá

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2026	Quý II/2025	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
					VND	VND
Thu nhập khác	31	33	1,798,946,560	163,882,593	2,622,081,432	539,768,240
Chi phí khác	32	34	(456,674,094)	618,009,857	1,178,477,325	1,852,050,974
Lợi nhuận khác	40		2,255,620,654	(454,127,264)	1,443,604,107	(1,312,282,734)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6,826,003,234)	7,796,327,074	(3,413,312,907)	18,054,504,883
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	(1,015,447,294)	623,858,455	-	2,859,881,898
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5,810,555,940)	7,172,468,619	(3,413,312,907)	15,194,622,985

Người lập biểu

Cúc

Lê Thị Cúc

Kế toán trưởng

Trần Thị Hà

Trịnh Xuân Lượng

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 07 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(3,413,312,907)	18,054,504,883
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		21,805,275,623	24,476,778,115
Các khoản dự phòng	03		10,817,488,336	1,216,388,738
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		38,617,781	589,202,791
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(601,665,966)	(2,356,710,596)
Chi phí đi vay	06		(15,821,397,907)	12,117,741,088
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12,825,004,960	54,097,905,019
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(146,410,276,190)	(12,638,047,105)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7,394,845,858	(991,255,982)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		72,405,591,841	9,491,421,327
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(31,448,818,513)	1,777,292,128
Chi phí đi vay đã trả	14		(15,090,046,696)	(12,168,642,882)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,506,803,811)	(2,203,486,286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(101,830,502,551)	37,365,186,219
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,618,607,648)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1,747,426,866
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,205,000,000)	(110,285,454,075)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		75,891,217,199	49,897,063,875
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,153,927,663	5,815,469,291
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		69,221,537,214	(52,825,494,043)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		196,526,144,914	208,585,121,015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay	34		(181,997,986,642)	(186,732,108,270)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1,809,595,139)	(1,169,334,364)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>12,718,563,133</i>	<i>20,683,678,381</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(19,890,402,204)	5,223,370,557
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	37,120,697,889	7,442,793,709
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(19,889,742)	(783,470)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	17,210,405,943	12,665,380,796

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Lê Thị Cúc

Kế toán trưởng

Trần Thị Hà



Phó Chủ tịch HĐQT
thường trực

Trịnh Xuân Lượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800222245, đăng ký lần đầu ngày 22/07/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/09/2025.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 16/09/2025, vốn điều lệ của Công ty là 708.191.030.000 đồng (*Bảy trăm linh tám tỷ, một trăm chín mươi một triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng chẵn*).

Trụ sở công ty: Số 09, Quốc Lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hoá.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/03/2026 là 370 người (Tại ngày 31/12/2025 là 396 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu trong năm 2025: Kinh doanh hàng nông sản, cho thuê xưởng và sản xuất gia công hàng may mặc.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Kinh doanh hàng sơn mài, mỹ nghệ, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Dịch vụ nhà đất;
- Bán phụ tùng và các loại bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
Chi tiết: Bán buôn vật tư, máy thiết bị công nghiệp và xây dựng
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, hàng sơn mài mỹ nghệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)

- Đại lý môi giới, đấu giá;
Chi tiết: Đại lý vật tư, máy móc thiết bị công nghiệp và xây dựng, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy
- Chế biến hàng nông, lâm sản, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, hàng nông sản, hàng sơn mài mỹ nghệ và hàng dệt may.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty .

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Victory Vietnam	Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 9 Khu phố Xuân Tâm, Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hóa.	90,08%	90,08%	90,08%
Công ty Cổ phần HT Việt Nga	Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, Xã Vĩnh Hòa, Tỉnh Thanh Hóa.	96,75%	96,75%	96,75%
Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS	Khu Thương mại dịch vụ và dân cư B-TM1, Khu đô thị mới Đông Hương, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hoá	95%	95%	95%
Công ty Cổ phần TM Ô tô Tiên Sơn (trước là Công ty Cổ phần Thành Công Tiên Sơn)	Số nhà 1A Đại Lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hoá	57,29%	52,79%	52,79%

Công ty có 01 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty không phản ánh vào hàng tồn kho đối với nguyên vật liệu không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp như nguyên vật liệu nhận giữ hộ, nguyên vật liệu nhận để gia công.

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

4.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình bao gồm Quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

4.10 TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại

thời điểm

khởi đầu việc thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Công ty khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	3 - 8

4.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản (BDS) đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BDS đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra để có được BDS đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BDS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá BDS đầu tư; Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao BDS đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 05 năm đến 25 năm.

4.13 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.17 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, lãi cho vay và cổ tức lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư vào các Công ty con (nếu có). Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn được xác định theo từng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn được xác định theo số dư tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và được áp dụng cho từng thời kỳ theo lãi suất của ngân hàng thương mại mở tài khoản.

Thu nhập khác

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

4.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: Chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí kinh doanh, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.21 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau: Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh. Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.23 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.24 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một

bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Tiền mặt	4,173,580,721	1,479,573,281
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13,036,825,222	35,641,124,608
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Bắc Thanh Hóa	7,460,816,607	11,415,872,542
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- CN Thanh Hóa	4,667,356,873	12,094,097,819
+ Tiền gửi tại các ngân hàng khác	908,651,742	12,131,154,247
Cộng	17,210,405,943	37,120,697,889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
6.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2026		01/01/2026
	Cost	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn			
- Tiền gửi NH Bản Việt (*)	19,454,955,570	19,454,955,570	23,373,248,775
	19,454,955,570	19,454,955,570	23,373,248,775
			-
			-

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 30/06/2026 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 - 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt với lãi suất 5,05%/năm - 5,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
a. Đầu tư vào công ty con	427,338,200,000		(19,461,855,942)	421,338,200,000
- Công ty TNHH Victory Vietnam	108,100,000,000		-	-
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Việt Nga	38,700,000,000		-	-
- Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS	262,538,200,000		(10,095,994,509)	262,538,200,000
- Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Tiền Sơn	18,000,000,000		(9,365,861,433)	12,000,000,000
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	220,000,000,000		-	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Lộc (**)	220,000,000,000		-	-
Cộng	647,338,200,000		(19,461,855,942)	421,338,200,000
				(7,888,051,392)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và kế toán chuẩn mực Việt Nam, chế độ doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	13,397,026,850	-	26,035,723,197	(6,295,031,350)
- Motives International (Hong Kong) Limited United	3,964,831,614	-	2,238,807,456	-
- Công ty Max International INC	-	-	5,526,688,057	(5,526,688,057)
- Công ty Cổ phần XNK May Anh Vũ	6,221,926,562	-	3,788,044,633	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Lý Thành	575,088,000	-	2,937,573,450	-
- Công ty TNHH SX TM Hồng Anh Tây Nguyên	-	-	2,576,530,686	-
- Jangsus Guotai Internat ional group guomaao co., LTD	731,161,920	-	1,334,796,097	-
- Các khoản phải thu Khách hàng khác	1,904,018,754	-	7,633,282,818	(768,343,293)
Cộng	13,397,026,850	-	26,035,723,197	(6,295,031,350)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần TDT Fashion Australia	26,197,401,471	5,022,186,690
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	13,570,632,900	-
Công ty Cổ phần Lương Phát	34,695,000,000	-
Công ty TNHH Bình Dương Lâm Đồng	14,405,463,223	-
Công ty TNHH SXTM Hồng Anh Tây Nguyên	220,000,000,000	-
Trịnh Xuân Lâm *	24,295,097,171	9,966,740,508
Các đối tượng khác		
Cộng	333,163,594,765	14,988,927,198

(*) Là khoản trả trước theo các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của ông Trịnh Xuân Lâm tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Lộc, với 45.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 220.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCN/TXL-TS ngày 15/06/2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)

- (1) Theo các hợp đồng cho vay ưu đãi đối với các cá nhân là nhân viên lâu năm của Công ty theo Nghị quyết HĐQT số 1005-2/2025/NQ-HĐQT ngày 10/05/2025. Mức vay tối đa không quá 5.500.000.000 đồng, Thời hạn vay: 5 năm, Lãi suất vay: 6%/ năm, không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng cho vay số 1801/TS-TMOTO ngày 18/01/2025 và PLHĐ 01/PLHĐ/TS-TMOTO ngày 25/02/2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Tiên Sơn. Theo đó:
- + Hạn mức vay: 8.000.000.000 đồng
 - + Thời hạn vay: Thời hạn cho vay tối đa 09 tháng/ đề nghị vay được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân.
 - + Lãi suất vay: 0% trong quá trình vay và có thể điều chỉnh khi hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
 - + Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh Ô tô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	20,316,623,900	-	156,853,110,512	-
- Tạm ứng	10,208,279,948	-	5,217,017,071	-
+ Ông Trịnh Xuân Lượng	10,050,000,013	-	5,057,951,130	-
+ Tạm ứng khác	158,279,935	-	159,065,941	-
- Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	10,000,000,000	-	151,000,000,000	-
+ Nguyễn Văn Dũng (*)	-	-	76,150,000,000	-
+ Hoàng Minh Chính	-	-	53,850,000,000	-
+ Công ty TNHH Nasan Vina (***)	-	-	21,000,000,000	-
+ Ông Trịnh Xuân Lượng (**)	10,000,000,000	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay dự thu	83,831,744	-	636,093,441	-
- Các khoản phải thu khác	24,512,208	-	-	-
b. Dài hạn	9,922,072,022	-	35,519,885,938	-
- Ký cược, ký quỹ	1,695,718,233	-	1,695,718,233	-
+ Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS	488,070,000	-	488,070,000	-
+ Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE - Chi nhánh Hà Nội	1,207,648,233	-	1,207,648,233	-
- Phải thu khác	8,226,353,789	-	33,824,167,705	-
+ Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS (****)	8,226,353,789	-	33,824,167,705	-
Cộng	30,238,695,922	-	192,372,996,450	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. PHẢI THU KHÁC

(*) Là khoản đặt cọc theo các Hợp đồng chuyển nhượng tài sản là Cổ phần của Công ty Cổ phần giáo dục Kitty. Theo đó, Ông Nguyễn Văn Dũng chuyển nhượng 1.755.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 51.200 đồng/cổ phiếu, tương ứng 89.856.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNCNP ngày 20/01/2026; Ông Hoàng Minh Chính chuyển nhượng 1.950.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 51.300 đồng/cổ phiếu, tương ứng 100.035.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/HĐCNCNP ngày 20/01/2026.

(**) Là khoản thực hiện việc thỏa thuận nhận chuyển nhượng các khu đất liên quan đến dự án Khu danh lam thắng cảnh quốc gia kim Kim sơn, huyện Vĩnh lộc tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 1507-2/2025/NQ-HĐQT ngày 15/07/2025

(***) Là khoản thanh toán trước theo Nghị quyết số 1911-2/2025/NQ-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với đất, máy móc, trang thiết bị và quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Nasan Vina với giá chuyển nhượng là 21.000.000.000 đồng, đến thời điểm 30/06/2026 công ty đã thanh lý hợp đồng

(****) Hợp đồng cho vay tiền số 2502 ngày 25/02/2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS. Theo đó:

- + Hạn mức: 50.000.000.000 đồng
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn cải tạo hoàn thiện Dự án PHI.
- + Thời gian thu hồi: Bổ sung vào vốn góp khi toàn bộ DA đi vào hoạt động.
- + Lãi suất: 0%/ tháng.

Theo Nghị Quyết số 2701-2/2026/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 27/01/2026, Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương chuyển đổi số nợ đến hết ngày 26/01/2026 thành trả trước tiền thuê nhà Cho Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS trong vòng 10 năm bao gồm số dư nợ tại ngày 31/12/2025 số tiền 33.824.167.705 đồng. Dự kiến thời gian thuê bắt đầu từ tháng 07/2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. NỢ XẤU

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng			6,295,031,350	
- Công ty Max International INC	-	-	5,526,688,057	-
- Các đối tượng khác	-	-	768,343,293	-
Trả trước cho người bán	-	-	1,464,364,174	-
- Các đối tượng khác	-	-	1,464,364,174	-
Cộng	-	-	7,759,395,524	-

12. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên vật liệu	955,817,037	(880,036,000)	1,142,726,226	(880,036,000)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	97,909,859	-	96,774,064	-
- Thành phẩm	3,294,544,514	(1,331,141,737)	10,504,422,350	(1,331,141,737)
- Hàng hóa	1,786,879,122	(1,786,073,757)	1,786,073,750	(1,786,073,757)
Cộng	6,135,150,532	(3,997,251,494)	13,529,996,390	(3,997,251,494)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2026	19,542,212,642	19,542,212,642
30/06/2026	19,542,212,642	19,542,212,642
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2026	(5,617,557,202)	(5,617,557,202)
Khấu hao trong năm	(1,949,283,251)	(1,949,283,251)
30/06/2026	(7,566,840,453)	(7,566,840,453)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2026	13,924,655,440	13,924,655,440
30/06/2026	11,975,372,189	11,975,372,189

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Nhà cửa vật kiến trúc (**) VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2026	8,086,528,000	470,505,937,576	478,592,465,576
- Tăng do đầu tư XDCB	-	906,593,437	906,593,437
30/06/2026	8,086,528,000	471,412,531,013	479,499,059,013
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2026	(1,693,612,048)	(158,208,212,901)	(159,901,824,949)
- Khấu hao trong kỳ	(80,865,282)	(13,429,096,397)	(13,509,961,679)
- Giảm khác	-	2,341,299,780	2,341,299,780
30/06/2026	(1,774,477,330)	(169,296,009,518)	(171,070,486,848)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2026	6,392,915,952	312,297,724,675	318,690,640,627
30/06/2026	6,312,050,670	302,116,521,495	308,428,572,165

(*) Quyền sử dụng đất là giá trị thuê đất trả tiền 1 lần theo hợp đồng thuê đất số 126/HĐTD ngày 07/10/2021 giữa UBND tỉnh Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may xuất khẩu, sản xuất túi xách, giày xuất khẩu Quý Lộc, diện tích đất thuê là 42.722,1 m2, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 27/8/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

(**) Nhà cửa vật kiến trúc là các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà vệ sinh và các công trình trên đất khác mà Công ty đang thực hiện cho thuê tại Nhà máy may Yên Định, Nhà máy may Quý Lộc, Nhà máy may Triệu Sơn và 1 phần Nhà máy may Sơn Hà.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/03/2026 là 315.213.370.248 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 318.690.640.627 đồng).

15. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Mua sắm Tài sản cố định	-	-	2,813,055,591	2,813,055,591
- Nhà kho phụ liệu - May Xuất khẩu Sơn Hà	385,673,000	385,673,000	385,673,000	385,673,000
- Công trình Cải tạo Nhà ăn ca công nhân may SH	425,000,000	425,000,000	425,000,000	425,000,000
- Hạng mục Xưởng may số 4 và Nhà điều hành xưởng may số 4 Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà	-	-	18,142,416,666	18,142,416,666
- Hệ thống PCCC nhà máy Sơn Hà	-	-	1,615,595,202	1,615,595,202
- Hệ thống PCCC khu trung bày nhà máy Yên Định	-	-	906,593,437	906,593,437
- Nhà máy may xuất khẩu Quý Lộc	471,186,200	471,186,200	-	-
Cộng	1,281,859,200	1,281,859,200	24,288,333,896	24,288,333,896

(*) Hạng mục Xưởng may số 4 và Nhà điều hành xưởng may số 4 nằm trong dự án Công trình Mở rộng, cải tạo nâng cấp xây dựng Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà theo quyết định đầu tư số 28.05/QĐ-TS của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn ngày 28/05/2025. Tổng mức đầu tư của Công trình này là 41.839.205.000 đồng. Trong đó: Hạng mục Xưởng may số 4 với giá trị đầu tư là 15.580.796.924 đồng, Hạng mục Nhà điều hành xưởng may số 4 với giá trị đầu tư là 4.081.105.263 đồng.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng, cho thuê	5.524.369.039	6.899.652.469
- Chi phí giải phóng mặt bằng NM May Triệu Sơn	3.318.880.590	3.360.108.918
- Đền bù Giải phóng mặt bằng NM May Quý Lộc	4.175.198.807	4.222.824.647
- Tiền thuê văn phòng	32.940.000.000	-
- Các khoản khác	454.707.746	481.751.635
Cộng	46.413.156.182	14.964.337.669

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA

Số 09, Quốc Lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý II/2026

17. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2026	109,804,694,253	50,075,381,551	8,315,942,667	531,407,620	168,727,426,091
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản	20,537,536,416	3,180,952,491	-	-	23,718,488,907
Giảm khác	(582,199,091)	-	-	-	(582,199,091)
30/06/2026	129,760,031,578	53,256,334,042	8,315,942,667	531,407,620	191,863,715,907
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2026	(63,236,852,060)	(36,216,635,535)	(3,430,243,360)	(466,617,297)	(103,350,348,252)
Khấu hao trong kỳ	(5,918,394,492)	(2,479,829,219)	(326,268,854)	(19,500,000)	(8,743,992,565)
Giảm khác	56,662,092	-	-	-	56,662,092
30/06/2026	(69,098,584,460)	(38,696,464,754)	(3,756,512,214)	(486,117,297)	(112,037,678,725)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2026	46,567,842,193	13,858,746,016	4,885,699,307	64,790,323	65,377,077,839
30/06/2026	60,661,447,118	14,559,869,288	4,559,430,453	45,290,323	79,826,037,182

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA
Số 09, Quốc Lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý II/2026

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Công ty TNHH Trần Hiếu	2,343,489,930	5,806,406,135
- Công ty TNHH MTV Hồng Đức Đắk Nông	-	3,514,671,484
- Công ty TNHH SX TM Hồng Anh Tây Nguyên	-	2,015,584,772
- Công ty Cổ phần May mặc Xuất khẩu Minh Quân	309,445,921	1,082,945,973
- Công ty Cổ phần May mặc Xuất khẩu KT	495,683,361	1,458,503,379
- Công ty TNHH Cafe Vũ Đạt Trần	-	1,596,706,700
- Công ty TNHH DV TM Nông sản Phương Nhi	-	1,548,506,947
- Công ty TNHH Saigon Hi-Tech	460,460,388	1,359,157,941
- Các đối tượng khác	2,800,636,154	9,098,127,749
Cộng	6,409,715,754	27,480,611,080

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA
Số 09, Quốc Lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý II/2026

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17,297,800	2,050,368,019
- Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ Hoàng Gia	-	1,840,323,019
- Đối tượng khác	17,297,800	210,045,000
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	46,362,967,593
- Công ty TNHH May Sumec Việt Nam	-	46,362,967,593
Cộng	17,297,800	48,413,335,612

(*) Công ty TNHH May Sumec Việt Nam thanh toán trước 50% tiền thuế nhà xưởng 5 năm đầu tiên theo hợp đồng số 2805/2025/TS-SM ngày 28/05/2025, thời hạn thuê 10 năm từ ngày 07/01/2026 đến ngày 03/01/2036.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2026		Trong kỳ		30/06/2026	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ kỳ	Phải nộp	Phải thu
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	15,102,080,927	13,596,065,375	1,506,015,552	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,453,486,385	-	-	1,506,803,811	2,946,682,574	-
- Thuế thu nhập cá nhân	22,288,774	-	16,194,791	27,113,728	11,369,837	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	337,286,376	-	612,836,812	337,286,376	612,836,812	-
- Các loại thuế khác	-	123,058,959	-	-	-	123,058,959
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2,073,309	-	-	-	2,073,309	-
Cộng	4,815,134,844	123,058,959	15,731,112,530	15,467,269,290	5,078,978,084	123,058,959

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA
Số 09, Quốc Lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý II/2026

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 30/06/2026		Trong năm		Tại ngày 01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	204,551,750,661	204,551,750,661	190,073,570,699	183,807,581,781	198,285,761,743	198,285,761,743
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>172,246,216,521</i>	<i>172,246,216,521</i>	<i>173,956,144,914</i>	<i>167,690,155,996</i>	<i>165,980,227,603</i>	<i>165,980,227,603</i>
- NHTMCP Ngoại thương Việt nam - CN Bắc Thanh Hóa	52,381,897,608	52,381,897,608	54,591,826,001	38,067,109,402	35,857,181,009	35,857,181,009
- NHTMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thanh Hóa (2)	29,476,470,913	29,476,470,913	29,476,470,913	39,753,170,052	39,753,170,052	39,753,170,052
- NH TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa (3)	89,887,848,000	89,887,848,000	89,887,848,000	89,869,876,542	89,869,876,542	89,869,876,542
- Vay cá nhân	500,000,000	500,000,000	-	-	500,000,000	500,000,000
<i>Vay dài hạn tới hạn trả (dưới 1 năm)</i>	<i>32,305,534,140</i>	<i>32,305,534,140</i>	<i>16,117,425,785</i>	<i>16,117,425,785</i>	<i>32,305,534,140</i>	<i>32,305,534,140</i>
- NHTMCP Công thương Việt nam - CN Bim Sơn (4)	624,000,000	624,000,000	312,000,000	312,000,000	624,000,000	624,000,000
- NHTMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thanh Hóa (5)	5,120,000,000	5,120,000,000	2,560,000,000	2,560,000,000	5,120,000,000	5,120,000,000
- NHTMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa	3,604,000,000	3,604,000,000	1,802,000,000	1,802,000,000	3,604,000,000	3,604,000,000
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE - Chi nhánh Hà Nội (7)	3,689,872,848	3,689,872,848	1,809,595,139	1,809,595,139	3,689,872,848	3,689,872,848
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Thanh Hóa (8)	8,010,000,000	8,010,000,000	4,005,000,000	4,005,000,000	8,010,000,000	8,010,000,000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa (9)	11,257,661,292	11,257,661,292	5,628,830,646	5,628,830,646	11,257,661,292	11,257,661,292
Vay dài hạn	139,448,297,059	139,448,297,059	22,570,000,000	16,117,425,785	132,995,722,844	132,995,722,844
- NHTMCP Công thương Việt nam - CN Bim Sơn (4)	2,160,000,000	2,160,000,000	-	312,000,000	2,472,000,000	2,472,000,000
- NHTMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thanh Hóa (5)	3,140,000,000	3,140,000,000	-	2,560,000,000	5,700,000,000	5,700,000,000
- NHTMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa	20,427,000,000	20,427,000,000	-	1,802,000,000	22,229,000,000	22,229,000,000
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế	5,034,643,842	5,034,643,842	-	1,809,595,139	6,844,238,981	6,844,238,981
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Thanh Hóa (8)	57,972,500,000	57,972,500,000	-	4,005,000,000	61,977,500,000	61,977,500,000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa (9)	50,714,153,217	50,714,153,217	22,570,000,000	5,628,830,646	33,772,983,863	33,772,983,863
Cộng	344,000,047,720	344,000,047,720	212,643,570,699	199,925,007,566	331,281,484,587	331,281,484,587



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bỉm Sơn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 300058003/2025-HĐCVHM/NHCT424-TIEN SON ngày 14/07/2025. Hợp đồng có hạn mức đến ngày 30/09/2025 là 35.000.000.000 đồng (Từ ngày 01/10/2025 đến ngày 30/06/2026 là 25.000.000.000 đồng), thời hạn vay tối đa 07 tháng, kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc. Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty.
- (2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số REF2502390530/HDDCVHM ngày 24/01/2025. Hợp đồng có hạn mức 70.000.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 07 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động gia công hàng may mặc xuất khẩu. Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ, tài sản đảm bảo khoản vay gồm:
 - + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 684020;
- (3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Hóa theo hợp đồng cấp tín dụng số 292007.25.840.2486970.TD ngày 05/06/2025. Hợp đồng có hạn mức cho vay 90.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì HMTD: kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 30/06/2026. Mục đích cấp tín dụng: cho vay, phát hành Bảo lãnh thanh toán, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực may mặc và thương mại cả phê, tiêu. Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay gồm:
 - + Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ Phương án MB tài trợ theo Hợp đồng thế chấp số 292033.25.840.2486970.BD ngày 05/06/2025 giữa MB và Bên thế chấp.
- (4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hoá theo hợp đồng cấp tín dụng số 12094632/2025/HDCVHM ngày 31/10/2025. Hợp đồng có hạn mức cho vay 70.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì HMTD: kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 22/11/2026. Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn đầu tư tài sản cố định và kinh doanh nông sản. Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay gồm:
 - + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AB 105459;
 - + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AA 06054090;
- (5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 300058003/2022-HĐCVDADT/NHCT424-SON HA MO RONG. Hợp đồng có hạn mức 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay 66 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Mở rộng nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà". Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất được ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 074780.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (6) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa gồm các hợp đồng cho vay sau:

(i) Hợp đồng cho vay từng lần số 2132100362/HĐTDTL ngày 18/11/2021. Hạn mức 7.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư máy móc thiết bị nhập khẩu. Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 684020;

+ Lô máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

(ii) Hợp đồng cho vay từng lần số 1912400161/HĐTDTL ngày 16/5/2019. Hạn mức 15.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn tài trợ tiền thuê đất và chi phí mua sắm máy móc thiết bị thuộc dự án nhà máy may Triệu Sơn. Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Lô máy móc thiết bị hình thành từ phương án vay vốn theo hợp đồng ngoại thương số ZJ18-3125-2 ngày 13/12/2018 giữa Công ty và Zoje Sewing Machine Co., Ltd;

+ Hệ thống máy móc thiết bị, máy chuyên dùng cho ngành may công nghiệp được lắp đặt tại nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà.

(iii) Hợp đồng cho vay từng lần số REF 2417600581/HDCVTL ngày 26/06/2024. Hạn mức 16.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định là máy móc thiết bị phục vụ hoạt động may mặc của Khách hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Lô máy móc thiết bị lĩnh vực may mặc theo proforma invoice số ZJ24-6806 ngày 12/03/2024;

+ Lô máy móc thiết bị lĩnh vực may mặc theo purchase order số M24030014 ngày 12/03/2024.

- (7) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn theo các hợp đồng sau:

(i) Hợp đồng cho thuê tài chính số 230344212 ngày 05/07/2023 và hợp đồng số 230359012 ngày 27/07/2023 giữa Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa. Tài sản thuê là máy móc thiết bị ngành may, thời hạn thuê 4 năm, gốc và lãi thuê được trả định kỳ hàng tháng.

(ii) Hợp đồng cho thuê tài chính số C250130912 ngày 17/02/2025 giữa Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa. Tài sản thuê là máy móc thiết bị ngành may, thời hạn thuê 54 tháng, gốc và lãi thuê được trả định kỳ hàng tháng.

- (8) Hợp đồng cho vay từng lần số 0752400027200 ngày 24/06/2024. Hạn mức 80.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà máy may Yên Định. Tài sản đảm bảo bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

+ Bất động sản là tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 45, tờ bản đồ địa chính số 24 (do vẽ 2013) địa chỉ xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất, số phát hành DO 610777, số vào sổ cấp GCN CT 22339, do văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa cấp ngày 24/07/2024

+ Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi của bên được cấp tín dụng tối thiểu 1.014.000 USD

+ Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê chính thức giữa Công ty và các Công ty dự án để đảm bảo khoản vay.

- (9) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Hóa theo hợp đồng cấp tín dụng số 292157.25.840.2486970.TD ngày 16/4/2025. Hạn mức 55.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa đến 17/12/2029. Mục đích vay: Cho vay thực hiện dự án Nhà máy may xuất khẩu Quý Lộc. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 742100; Sổ vào sổ cấp GCN: CT17907.

+ Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 001/13/08/2021/TS-VTR ngày 13/08/2021 giữa Công ty và Chi nhánh số 2 Công ty TNHH Long Hành Thiên Hạ.

- (10) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 300058003/2025-HĐCVDADT/NHCT424-3.200TRD. Hợp đồng có hạn mức 3.200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư 01 xe ô tô TOYOTA LAND CRUISER". Lãi suất tại thời điểm cho vay là 8%. Tài sản đảm bảo là 01 chiếc ô tô TOYOTA LAND CRUISER biển số 36B-11188.

- (11) Khoản Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hoá bao gồm:

(i) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12094632/2025/HĐCVTDH ngày 31/10/2025. Hợp đồng có hạn mức 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay là tài trợ các chi phí hợp pháp, hợp lệ, phục vụ đầu tư cải tạo, nâng cấp xây dựng nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà.

(ii) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12094632/2025/HĐCVDA ngày 31/10/2025. Hợp đồng có hạn mức 16.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay là tài trợ dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp xây dựng nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà.

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AB 105459;

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AA 06054090.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	575,502,156	563,708,179
Chi phí lãi vay phải trả	575,502,156	563,708,179
b) Dài hạn	-	582,199,091
Chi phí xây dựng cải tạo nhà máy Yên Định	-	582,199,091
Cộng	575,502,156	1,145,907,270

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn	33,581,410,812	9,393,975,241
- Kinh phí Công đoàn	471,728,111	301,977,290
- Bảo hiểm xã hội	-	2,315,250
- Công ty TNHH Victory Việt Nam (*)	25,389,682,701	9,089,682,701
- Công ty Cổ phần HT Việt Nga	7,720,000,000	-
b. Dài hạn	75,785,500,540	71,596,942,540
- Nhận đặt cọc thuê xưởng	75,785,500,540	71,596,942,540
+ Công ty TNHH Ever Shine	12,709,368,000	12,709,368,000
+ Công ty TNHH Meijie Clothing	19,340,490,000	19,340,490,000
+ Công ty TNHH HUG Vina	1,352,388,540	1,352,388,540
+ Công ty TNHH May Sumec Việt nam	14,993,884,000	14,993,884,000
+ Công ty TNHH May Junjie Việt Nam	1,715,340,000	1,715,340,000
+ Công ty TNHH Long Hành Thiên Hạ	25,674,030,000	21,485,472,000
Cộng	109,366,911,352	80,990,917,781

(*) Khoản cho vay theo hợp đồng ngày 20/07/2025 giữa Công ty TNHH Victory Việt Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa, hạn mức cho vay là 10.000.000.000 đồng. Lãi suất 0,7%/tháng, thời hạn cho vay là 24 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

24 VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2025	708,191,030,000	(210,000,000)	439,500,000	18,000,000	(9,180,982,667)	699,257,547,333
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	26,066,342,780	26,066,342,780
31/12/2025	708,191,030,000	(210,000,000)	439,500,000	18,000,000	16,885,360,113	725,323,890,113
01/01/2026	708,191,030,000	(210,000,000)	439,500,000	18,000,000	16,885,360,113	725,323,890,113
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	(3,413,312,907)	(3,413,312,907)
30/06/2026	708,191,030,000	(210,000,000)	439,500,000	18,000,000	13,472,047,206	721,910,577,206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	30/06/2026		01/01/2026	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Trịnh Xuân Lâm	83,314,650,000	11.76%	83,314,650,000	11.76%
Ông Trịnh Xuân Lượng	12,568,530,000	1.77%	12,568,530,000	1.77%
Bà Nguyễn Thị Dụ	1,237,650,000	0.17%	1,237,650,000	0.17%
Ông Trịnh Văn Dương	5,588,430,000	0.79%	5,588,430,000	0.79%
Ông Trịnh Xuân Dưỡng	4,950,600,000	0.70%	4,950,600,000	0.70%
Các cổ đông khác	600,531,170,000	84.80%	600,531,170,000	84.80%
Cộng	708,191,030,000	100%	708,191,030,000	100%

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Hoạt động thương mại	324,024,642,519	260,446,930,524
- Doanh thu gia công	77,162,828,643	71,754,996,074
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng	37,685,027,148	34,434,572,000
- Doanh thu khác	1,581,848,440	1,417,948,487
Cộng	440,454,346,750	368,054,447,085

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Hoạt động thương mại	306,283,226,541	252,109,194,021
- Hoạt động gia công	83,439,905,001	52,938,537,064
- Hoạt động cho thuê nhà xưởng	18,519,703,559	19,797,742,926
Cộng	408,242,835,101	324,845,474,011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	601,665,966	2,356,710,596
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	222,655,461	83,362,022
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	38,617,781	-
Cộng	862,939,208	2,440,072,618

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	15,821,397,907	12,117,741,088
- Dự phòng đầu tư tài chính	-	6,858,335,107
- Phí trả trước hạn	-	802,108,367
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7,040,703	886,374,994
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	589,202,791
Cộng	15,828,438,610	21,253,762,347

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	-	33,333,360
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,704,083,016	4,556,345,086
Cộng	2,704,083,016	4,589,678,446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	5,374,151,933	3,451,930,719
- Chi phí đồ dùng văn phòng	78,900,256	95,608,977
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định, công cụ dụng cụ	219,058,980	275,131,416
- Thuế, phí và lệ phí	148,917,957	156,369,362
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,683,397,383	2,029,541,310
- Chi phí bằng tiền khác	25,000	46,224,867
- Hoàn nhập/ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	10,817,488,336	(5,641,946,369)
Cộng	19,321,939,845	412,860,282

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	48,252,938
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1,900,000,000	-
- Tiền phạt trừ vào lương nhân viên	232,060,315	-
- Thu nhập khác	490,021,117	491,515,302
Cộng	2,622,081,432	539,768,240

32. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Chi nộp phạt	120,947,518	213,728,206
- Các khoản chi phí khác	1,057,529,807	1,638,322,768
Cộng	1,178,477,325	1,852,050,974

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3,413,312,907)	18,054,504,883
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	666,397,653	1,886,850,974
- Chi phí không hợp lệ	666,397,653	1,886,850,974
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	-	5,641,946,369
- Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	5,641,946,369
Tổng lợi nhuận tính thuế	(2,746,915,254)	14,299,409,488
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ này	-	2,859,881,898
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2,859,881,898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch và/hoặc có các khoản phải thu/phải trả trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Victory Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng Việt Nga	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Tiên Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS	Công ty con
Công ty Cổ phần May Tatsu	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Lương Phát	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Lộc	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Hợp nhất Đại Phúc	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ MITRANS	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên HĐQT và BGĐ	Có ảnh hưởng đáng kể

Giao dịch với bên liên quan

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Mua hàng từ bên liên quan	36,234,000,000	19,605,213,796
- Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Tiên Sơn	-	407,697,260
- Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS	36,234,000,000	-
- Công ty Cổ phần Lương Phát	-	19,197,516,536
Bán hàng cho bên liên quan	6,833,808	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Sơn TH	6,833,808	-
Lãi cho vay	-	1,639,479,771
- Công ty TNHH Victory Việt Nam	-	1,639,479,771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với bên liên quan

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng với bên liên quan	-	53,889,518,563
- Công ty TNHH Victory Việt Nam	-	3,243,667,323
- Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Tiên Sơn	-	12,248,318,644
- Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS	-	38,397,532,596
Trả trước cho người bán với bên liên quan	254,695,000,000	-
- Công ty Cổ phần Lương Phát	34,695,000,000	-
- Trịnh Xuân Lâm	220,000,000,000	-
- Công ty TNHH Hợp nhất Đại Phúc	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ MITRANS	-	-
Phải thu khác với bên liên quan	28,764,423,802	39,370,188,835
- Ông Trịnh Xuân Lượng	20,050,000,013	5,057,951,130
- Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS - Cho vay	8,226,353,789	33,824,167,705
- Công ty Cổ phần Hoàng Hải - TS - Đặt cọc	488,070,000	488,070,000
Phải thu về cho vay	1,550,000,000	6,000,000,000
- Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Tiên Sơn	50,000,000	6,000,000,000
- Công ty Cổ phần TM ô tô Thanh Hóa	1,500,000,000	-
Phải trả khác với bên liên quan	33,109,682,701	9,089,682,701
- Công ty TNHH Victory Việt Nam	25,389,682,701	9,089,682,701
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Việt Nga	7,720,000,000	-

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát		
- Trịnh Xuân Lượng	298,035,000	127,762,865
- Trịnh Xuân Dương	208,553,000	151,762,865
- Trịnh Xuân Dưỡng	291,659,000	58,838,938
- Lê Văn Hòa	123,514,000	87,098,740
- Lê Đăng Thuyết	141,780,000	94,768,464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA

Số 09, Quốc Lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý II/2026

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

ĐVT: VND

TT	Năm	May gia công	Thương mại	Thuê xưởng	Hoạt động khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
6 tháng đầu năm 2026								
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	77,085,922,243	324,024,642,519	37,685,027,148	1,581,848,440	440,377,440,350	-	440,377,440,350
2	Doanh thu khác	-	-	-	-	862,939,208	-	862,939,208
3	Khấu hao và chi phí phân bổ	83,439,905,001	306,283,226,541	18,519,703,559	-	408,242,835,101	-	408,242,835,101
4	Khấu hao và chi phí không phân bổ	-	-	-	-	37,854,461,471	-	37,854,461,471
5	Tổng cộng chi phí(3+4)	83,439,905,001	306,283,226,541	18,519,703,559	-	446,097,296,572	-	446,097,296,572
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6,353,982,758)	17,741,415,978	19,165,323,589	1,581,848,440	(4,856,917,014)	-	(4,856,917,014)
7	Chi mua TSCĐ	1,618,607,648	-	-	-	-	-	1,618,607,648
8	Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1,275,304,623,718
9	Nợ phải trả bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	-	553,394,046,512
6 tháng đầu năm 2025								
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	71,729,039,074	260,446,930,524	34,434,572,000	1,417,948,487	368,028,490,085	-	368,028,490,085
2	Doanh thu khác	-	-	-	-	2,440,072,618	-	2,440,072,618
3	Khấu hao và chi phí phân bổ	52,938,537,064	252,109,194,021	19,797,742,926	-	324,845,474,011	-	324,845,474,011
4	Khấu hao và chi phí không phân bổ	-	-	-	-	26,256,301,075	-	26,256,301,075
5	Tổng cộng chi phí(3+4)	52,938,537,064	252,109,194,021	19,797,742,926	-	351,101,775,086	-	351,101,775,086
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18,790,502,010	8,337,736,503	14,636,829,074	1,417,948,487	19,366,787,617	-	19,366,787,617
7	Chi mua TSCĐ	-	-	-	-	-	-	-
8	Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1,142,213,503,127
9	Nợ phải trả bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	-	427,761,332,809



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN SƠN THANH HÓA

Số 09, Quốc Lộ 1A, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hoá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 của Công ty đã được kiểm toán.

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Lê Thị Cúc

Kế toán trưởng



Trần Thị Hà



**Phó Chủ tịch HĐQT
Thường trực**

Trịnh Xuân Lượng

